

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148 /ĐHKTCN
V/v cung cấp dữ liệu thực hiện Quy
chế công khai năm học 2019-2020

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2019

Kính gửi:

- Các phòng chức năng;
- Các Khoa chuyên môn và Bộ môn trực thuộc trường;
- Trung tâm thực nghiệm;
- Trung tâm thông tin - thư viện;
- Trung tâm tuyển sinh;
- Trung tâm hợp tác đào tạo Quốc tế;
- Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Thực hiện thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; công văn số 2003/ĐHTN ngày 02/10/2018 của Đại học Thái Nguyên về việc hướng dẫn cập nhật thông tin theo Quy chế công khai; công văn số 1256/ĐHTN ngày 23/8/2019 về việc thực hiện kết luận kiểm tra Quy chế công khai và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2019. Nhà trường yêu cầu các đơn vị triển khai cung cấp dữ liệu để thực hiện cập nhật thông tin công khai năm học 2019 – 2020 theo các biểu mẫu của BGD&ĐT và của Đại học Thái Nguyên.

Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị được phân công trong công văn và thực hiện theo phụ lục là các biểu mẫu đính kèm (một biểu có thể do nhiều đơn vị thực hiện, ví dụ biểu 18...), các số liệu lấy mốc thời gian từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/9/2019.

1. Trung tâm tuyển sinh

Cung cấp dữ liệu Biểu 1- ĐHTN: Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo năm học 2019 – 2020.

2. Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

Cung cấp dữ liệu:

- Tổng hợp dữ liệu Biểu 2-ĐHTN: Công khai sơ lược lý lịch của giảng viên phân theo khối ngành (do các Khoa nộp).
- Biểu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục H và mục I).

3. Phòng Hành chính -Tổ chức

Cung cấp dữ liệu:



- Biểu 3-ĐHTN: Công khai số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng.

- Biểu 20: Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục A và mục B).

4. Phòng Đào tạo

Cung cấp dữ liệu:

- Biểu 17: Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020.

- Biểu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục A, mục B, mục C, mục E và mục G).

5. Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế

Cung cấp dữ liệu:

- Biểu 17: Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020.

- Biểu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục A, mục B và mục G).

6. Phòng Công tác HS - SV

Cung cấp dữ liệu Biểu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục A và mục B).

7. Các Khoa chuyên môn, Trung tâm thực nghiệm và Bộ môn trực thuộc trường

Cung cấp dữ liệu:

- Biểu 2-ĐHTN: Công khai sơ lược lý lịch của giảng viên phân theo khối ngành (*Nộp cho phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế trước thứ 6 ngày 18/10/2019 để tổng hợp*)

- Biểu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục C, mục D và mục E).

- Biểu 18D-ĐHTN: Công khai danh sách tên giáo trình, tài liệu tham khảo cho từng chương trình đào tạo năm học 2019 – 2020 (Các môn học của học kỳ 1 năm học 2019 – 2020).

8. Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội

Cung cấp dữ liệu Biểu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục G).

9. Phòng QT – PV

Cung cấp dữ liệu Biểu 19: Công khai cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục A, mục B và mục D).

10. Trung tâm TT-TV

- Cung cấp dữ liệu Biểu 19: Công khai cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục B và mục C).

- Phối hợp với phòng Khảo thí & ĐBCLGD cập nhật dữ liệu lên trang web của nhà trường.

11. Phòng Kế hoạch - Tài chính:

Cung cấp dữ liệu Biểu 21: Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020.

12. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cập nhật dữ liệu:

+ Biểu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục K).

+ Biểu 20: Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020 (Mục C).

- Tổng hợp và thực hiện báo cáo.

Thời gian nộp: Trước 15h00 Thứ 3 ngày 22/10/2019.

Địa điểm:

- Bản cứng: Phòng Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng 405 – Nhà điều hành - Điện thoại: 02083.547.610 (có chữ ký của trưởng đơn vị).

- Bản mềm: Gửi file theo địa chỉ Email: khaothidbclgd@tnut.edu.vn

Yêu cầu trưởng các đơn vị triển khai và thực hiện đúng nội dung công văn.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGH (để b/c);
- Website;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Minh Đức



Thời điểm lấy dữ liệu Từ ngày 01/5/2019 đến 30/9/2019.

Biểu mẫu 01-ĐHTN: Trung tâm tuyển sinh

THÔNG BÁO

Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo					
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng	
				Chính quy	Giáo dục thường xuyên (*)	Chính quy	Giáo dục thường xuyên
I	Ngành 1						
1	Chuyên ngành 1						
2	Chuyên ngành 2						
3	Chuyên ngành 3						
...							
II	Ngành 2						
1	Chuyên ngành 1						
2	Chuyên ngành 2						
3	Chuyên ngành 3						
...							

* Bao gồm đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 02-ĐHTN: Các Khoa chuyên môn, Trung tâm thực nghiệm và BM trực thuộc trường.

(Phòng KHCN&HTQT tổng hợp)

THÔNG BÁO

Công khai sơ lược lý lịch của giảng viên phân theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lý lịch khoa học (*)	Ghi chú
1	Khối ngành I		Tệp đính kèm	
	...			
2	Khối ngành II			
	...			
3	Khối ngành III			
	...			
4	Khối ngành IV			
	...			
5	Khối ngành V			
	...			
6	Khối ngành VI			
	...			
7	Khối ngành VII			
	...			

* Họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

THÔNG BÁO

**Công khai số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý
và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức, đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian (**)
1.							Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm
2.							
3.							
4.							
...							

* Đơn vị công tác: Khoa (Bộ môn) /phòng/tổ công tác.

** Thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 17: Phòng Đào tạo, Trung tâm hợp tác đào tạo quốc tế**THÔNG BÁO****Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020****1. Ngành.....**

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Yêu cầu ghi rõ ràng, cụ thể hơn so với lần cập nhật T5/2019				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được					
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học					
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Trong bản cập nhật trước tất cả các CTĐT đều ghi số quyết định văn bản ban hành CTĐT là chưa hợp lý. Đề nghị đưa thông tin về cấu trúc CTĐT, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức đại cương, chuyên ngành, cơ sở ngành của CTĐT				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường					
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp					

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 18: Phòng Đào tạo, phòng Công tác HS - SV, Phòng KHCN&HTQT, phòng KT&ĐBCLGD, TT hợp tác đào tạo quốc tế, TT đào tạo theo NCXH, Các Khoa chuyên môn, Trung tâm thực nghiệm và BM trực thuộc trường.

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

Phòng Công tác HS – SV, Trung tâm hợp tác đào tạo quốc tế

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại	
		Đại học	
		Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số		
1	Khối ngành I		
2	Khối ngành II		
3	Khối ngành III		
4	Khối ngành IV		
5	Khối ngành V		
6	Khối ngành VI		
7	Khối ngành VII		

Phòng Đào tạo

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ
	Tổng số		
1	Khối ngành I		
2	Khối ngành II		
3	Khối ngành III		
4	Khối ngành IV		
5	Khối ngành V		
6	Khối ngành VI		
7	Khối ngành VII		

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

- Phòng Đào tạo, Trung tâm HTĐTQT cung cấp số liệu: Số SV tốt nghiệp và phân loại tốt nghiệp

- Phòng Công tác HS - SV cung cấp số liệu: Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

- Các Khoa chuyên môn, Trung tâm thực nghiệm và BM trực thuộc cung cấp dữ liệu cho chương trình đại học

- Phòng Đào tạo cung cấp dữ liệu cho chương trình sau đại học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Giải tích 1		4	Học kỳ 1 năm học 2019 - 2020	Thi vấn đáp hoặc Thi tự luận hoặc Thi trắc nghiệm hoặc ...
2	...				

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

- Các Khoa chuyên môn, Trung tâm thực nghiệm và BM trực thuộc

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1			
2			

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

- Phòng Đào tạo cung cấp dữ liệu luận văn, luận án tốt nghiệp trình độ Tiến sĩ và thạc sĩ.

- Các Khoa chuyên môn cung cấp dữ liệu đề án, khóa luận tốt nghiệp trình độ đại học.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Đại học				

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

- Phòng Đào tạo, TT hợp tác đào tạo quốc tế và TT Đào tạo theo nhu cầu xã hội

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

- Phòng KHCN & HTQT

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1				
2				

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

- Phòng KHCN & HTQT

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1						
2						

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

- Phòng KT&ĐBCLGD

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu mẫu 18D-ĐHTN: Các Khoa chuyên môn, BM LLCT và Trung tâm thực nghiệm
THÔNG BÁO**

Công khai danh sách tên giáo trình, tài liệu tham khảo cho từng chương trình đào tạo năm học 2019 – 2020

(Các môn học của học kỳ 1 năm học 2019 – 2020).

STT (1)	Chương trình đào tạo	STT (2)	Tên môn học	Tên giáo trình	Tài liệu tham khảo (*)	Năm xuất bản	Năm dự kiến xuất bản (**)	Loại giáo trình		Số lượng hiện có tại trường	Số lượng hiện có tại TTHL ĐHTN	Tổng số môn học	Tổng số giáo trình
								Tự biên soạn	Nguồn khác				
1	Chuyên ngành 1	1											
		2											
		...											
		n											
2	Chuyên ngành 2	1											
		2											
		...											
		n											
...													
	Tổng												

* Tài liệu tham khảo: Chỉ thống kê tài liệu tham khảo do đơn vị biên soạn.

** Năm dự kiến xuất bản: Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo các chuyên ngành.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 19: Phòng QT-PV, Trung tâm TT-TV**THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020****A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng****- Phòng QT-PV**

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu**- Phòng QT-PV và Trung tâm TT-TV phối hợp thực hiện cung cấp dữ liệu**

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...							
2	Phòng thực hành...							
3	Xưởng thực tập...							
4	Nhà tập đa năng							
5	Hội trường							
6	Phòng học...							
7	Phòng học đa phương tiện...							
8	Thư viện...							
9	Trung tâm học liệu...							
10	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

- Trung tâm TT-TV

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	
2	Số chỗ ngồi đọc	
3	Số máy tính của thư viện	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

- Phòng QT-PV

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	
2	Diện tích sàn/sinh viên	

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 20: Phòng HC – TC, phòng KT&ĐBCLGD

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 -2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

- Phòng HC - TC

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành...											
	Ngành...											
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành...											
d	Khối ngành IV											
	Ngành...											
đ	Khối ngành V											
	Ngành...											
e	Khối ngành VI											
	Ngành...											
	Khối ngành VII											
	Ngành...											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành
- Phòng HC - TC

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	...					
2	Khối ngành II					
	...					
3	Khối ngành III					
	...					
4	Khối ngành IV					
	...					
5	Khối ngành V					
	...					
6	Khối ngành VI					
	...					
7	Khối ngành VII					
	...					

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi
- Phòng KT&ĐBCLGD

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 21: Phòng KH - TC**THÔNG BÁO****Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 – 2020**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng		
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019

Trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)